

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày 02 tháng 4 năm 2024
(V/v ly hôn giữa anh S và chị S1)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Đàm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Đức

Bà Lương Thị Nhiễu

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Tình - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 tháng 3 năm 2024 và 02 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXX-ST ngày 01 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vàng Mí S - Sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn CL, xã LT, huyện Đ, tỉnh Hà Giang (Có mặt);

Bị đơn: Chị Ly Thị S1 - Sinh năm 1991; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng: Thôn CL, xã LT, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 03/2023/QĐST-VDS ngày 10/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt).

Người phiên dịch tiếng Mông: Anh Mua Mí Chá; địa chỉ: Tổ 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2023 cùng các tài liệu kèm theo đơn và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Vàng Mí S trình bày: Nguyên đơn và bị đơn là chị Ly Thị S1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20/6/2011 tại Ủy ban nhân dân xã LT, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Sau đó, hai vợ chồng sống chung tại thôn CL, xã LT, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, không phát sinh mâu thuẫn gì. Đến tháng 5/2016, do

hoàn cảnh gia đình khó khăn, anh S sang Trung Quốc làm, đến tháng 11/2016 vợ anh là chị S1 đã bỏ nhà đi khỏi địa phương không rõ nguyên nhân. Từ khi chị S1 bỏ đi, anh và gia đình đã báo chính quyền và tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có tin tức gì về chị S1 còn sống hay đã chết. Đến ngày 11/10/2022, anh S có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố chị S1 mất tích. Quyết định giải quyết việc dân sự số 03/2023/QĐST-DS ngày 10/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang đã tuyên bố chị Ly Thị S1 mất tích. Kể từ khi có Quyết định của Tòa án tuyên bố chị Ly Thị S1 mất tích đến nay anh S cũng không có tin tức gì về chị S1. Nay anh S có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ly Thị S1.

Về con chung: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, do nhận thức không đầy đủ nên anh chỉ khai là vợ chồng anh có hai con chung là cháu Vàng Thị M và cháu Vàng Thị P mà không khai có cháu Vàng Thị K, vì nghĩ rằng cháu K đã đi theo mẹ từ nhỏ, đến nay vẫn biệt tích. Nay tại phiên tòa, anh xác định lại quá trình chung sống, anh và chị S1 có ba con chung là cháu Vàng Thị M (sinh ngày 24/9/2012), cháu Vàng Thị P (sinh ngày 23/12/2014) và cháu Vàng Thị K (sinh ngày 02/7/2016). Nay hai cháu Vàng Thị M, Vàng Thị P đang sống cùng anh, còn cháu Vàng Thị K đã biệt tích cùng với mẹ từ tháng 11/2016. Khi ly hôn, anh xin được trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu Vàng Thị M, Vàng Thị P cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của các cháu, không yêu cầu chị S1 phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Vàng Thị K đã biệt tích cùng chị S1, đến nay không có tin tức gì. Anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về cháu Vàng Thị K trong vụ án này, do có muốn anh cũng không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu được. Khi nào xác định được thông tin xác thực về cháu, anh sẽ đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết sau.

Về tài sản, công nợ chung: Anh S xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được khối có tài sản chung nào; vợ chồng anh cũng không nợ ai hoặc cho ai nợ tài sản gì. Do vậy, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh là đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho anh theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật. *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:* Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án, tiến hành khai mạc phiên tòa, giới thiệu thành phần Hội đồng xét xử, quyền và nghĩa vụ của đương sự, thành phần Hội đồng xét xử

và Thư ký phiên tòa đã có mặt đầy đủ, không có trường hợp nào phải thay đổi hoặc phải từ chối tiến hành tố tụng. *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. *Quan điểm về việc giải quyết vụ án:* Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53 và khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho anh Vàng Mí S ly hôn với chị Ly Thị S1. Về con chung: Khi ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là các cháu Vàng Thị M (sinh ngày 24/9/2012) và cháu Vàng Thị P (sinh ngày 23/12/2014) cho anh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của anh S và các cháu, chị S1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Vàng Thị K (sinh ngày 02/7/2016) thì chị Ly Thị S1 đã đưa đi biệt tích cùng chị từ tháng 11/2016 đến nay không có tin tức gì. Do anh S không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết về cháu Vàng Thị K trong vụ án này. Về tài sản, công nợ chung: Không xem xét. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 để miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Vàng Mí S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của anh Vàng Mí S về việc xin ly hôn với chị Ly Thị S1 được Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định. Bị đơn Ly Thị S1 đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp cho bị đơn. Tuy đã được triệu tập họp lệ nhưng cả hai phiên tòa, chị S1 đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vàng Mí S và chị Ly Thị S1 xác lập quan hệ vợ chồng theo đúng các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/6/2011 tại Ủy ban nhân dân xã LT, huyện Đ, tỉnh Hà Giang, nên có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân giữa chị S1 và anh S là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc tại xã LT, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Tuy nhiên, từ tháng 11/2016, chị S1 đã bỏ nhà ra đi, anh S và người thân trong gia đình đã áp dụng mọi biện pháp tìm kiếm nhưng không xác định được chị S1 hiện đang ở đâu, làm gì. Chị S1 đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 03/2023/QĐST-DS ngày 10/3/2023. Nay anh S xin ly hôn chị S1, nên

cần xử cho anh S được ly hôn chị S1 theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, anh S và chị S1 có ba con chung là cháu Vàng Thị M (sinh ngày 24/9/2012), cháu Vàng Thị P (sinh ngày 23/12/2014) và cháu Vàng Thị K (sinh ngày 02/7/2016). Khi ly hôn, anh S xin được trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu Vàng Thị M, Vàng Thị P cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của các cháu, không yêu cầu chị S1 phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Vàng Thị K thì chị Ly Thị S1 đã đưa đi biệt tích cùng chị từ tháng 11/2016 đến nay, không có tin tức gì. Xét thấy, mặc dù có muốn anh S cũng không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu được. Chị Ly Thị S1 đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên cũng không thể giao cháu K cho chị S1 nuôi dưỡng, giáo dục. Nay anh S không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về cháu Vàng Thị K trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Khi nào xác định được thông tin xác thực về cháu K, anh S sẽ đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết sau.

[4] Về tài sản chung: Anh S xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được khối có tài sản chung nào; vợ chồng anh cũng không nợ ai hoặc cho ai nợ tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh S là đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh S.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho anh Vàng Mí S ly hôn với chị Ly Thị S1.

2. *Về con chung:* Khi ly hôn, giao con chung là cháu Vàng Thị M (sinh ngày 24/9/2012) và cháu Vàng Thị P (sinh ngày 23/12/2014) cho anh Vàng Mí S

trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; chị Ly Thị S1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở quyền này.

3. *Về án phí:* Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Vàng Mí S.

4. *Quyền kháng cáo:* Anh Vàng Mí S có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án; chị Ly Thị S1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND xã LT, huyện Đ, tỉnh Hà Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Đàm